

Số: 24 /CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

V/v: Góp ý Dự thảo Nghị định quy định chi tiết
khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 12 và Điều 13 của
Nghị quyết 250/2025/QH15 của Quốc hội

Kính gửi: Bộ Công Thương

Đồng kính gửi: Vụ Chính sách Thương mại Đa biên

Cục Xúc tiến Thương mại

Phúc đáp công văn số **1023/BCT-XTTM** ngày 13/02/2026 của Bộ Công Thương về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế (gọi tắt là **Dự thảo**), sau khi nghiên cứu Dự thảo, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (**VASEP**) xin có một số nhận xét và góp ý chi tiết như sau:

A. NHẬN XÉT CHUNG:

Hiệp hội VASEP trân trọng ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Bộ Công Thương trong việc xây dựng Dự thảo Nghị định nhằm cụ thể hóa khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh môi trường thương mại toàn cầu đang có nhiều biến động, xu hướng bảo hộ gia tăng, yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường khắt khe, xu hướng chuyển đổi xanh – chuyển đổi số.

Song song đó, Việt Nam hiện đang tham gia 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới với mức độ cam kết sâu và toàn diện, bao gồm các nghĩa vụ về mở cửa thị trường, quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại, tiêu chuẩn lao động – môi trường, cũng như các quy định về chống trợ cấp và bảo đảm cạnh tranh công bằng. Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện khung chính sách hỗ trợ doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhằm nâng cao năng lực tận dụng FTA, ứng phó hiệu quả với các rào cản kỹ thuật và giảm thiểu rủi ro bị điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

Từ thực tiễn hoạt động của ngành thủy sản – một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam thường xuyên chịu tác động của các biện pháp phòng vệ thương mại và tiêu chuẩn bền vững khắt khe, Hiệp hội VASEP xin tham gia và góp ý một số nội dung của Dự thảo theo hướng khả thi, minh bạch và phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, trong đó có nghĩa vụ tại WTO và các FTA thế hệ mới.

B. GÓP Ý CHI TIẾT DỰ THẢO:

I. CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 2 ĐIỀU 9 (điều 4-11 của Dự thảo):

Khoản 2 Điều 9 của NQ250/QH nêu rõ “Chính phủ bảo đảm **nguồn lực** cho việc xây dựng và vận hành **hệ sinh thái** tận dụng các FTA phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội **để hỗ trợ** doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại”.

Mà “**hệ sinh thái**” nêu trên bao gồm các chủ thể từ cơ quan nhà nước có liên quan, Hiệp hội ngành hàng, Trường Đại học có đào tạo nội dung liên quan, đến các cơ quan chức năng ở địa phương và doanh nghiệp, HTX. Các **chủ thể** của hệ sinh thái này cần được bảo đảm “**nguồn lực**” để có thể hỗ trợ được các DN, HTX, HKD tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại.

Nghĩa là **nhóm** các chủ thể (CQNN, Hiệp hội ngành hàng, Trường ĐH có đào tạo...) là đối tượng chính cần được bảo đảm nguồn lực, và từ đó có thể hỗ trợ cho **nhóm** DN, HTX, HKD.

Nguồn lực ở đây có thể là “cơ chế”, “năng lực chuyên môn”, “hạ tầng, dữ liệu, cơ sở vật chất” và “kinh phí”.

Với các nội dung dự thảo, chúng tôi có mấy góp ý sau:

1. **Thiếu chủ thể quan trọng:** Dự thảo đang nghiêng tập trung về các nội dung mà **nhóm** 2 (DN, HTX, HKD) được hưởng là những gì và như thế nào, nhưng lại khuyết đi các chủ thể quan trọng (**nhóm** CQNN, Hiệp hội,...) trong hệ sinh thái cần được “bảo đảm nguồn lực” mà quyết nghị tại khoản 2 Điều 9 (NQ250) đã nêu. Mà nhóm các chủ thể này mới là đối tượng chính cần thiết kế các nội dung (cơ chế, kinh phí, hạ tầng, nhân lực...) để đáp ứng “bảo đảm nguồn lực” như quyết nghị.

Góp ý, đề nghị: Ban soạn thảo rà soát lại cấu trúc và đối tượng chính (nhóm các chủ thể chính của hệ sinh thái FTA: CQNN, Hiệp hội, Trường ĐH, Sở địa phương...) ở phần này để có các thiết kế phù hợp, đúng với NQ250.

2. **Rà soát kỹ để tránh bị rơi vào “trợ cấp”:** Dự thảo tại Điều 7 nhằm quy định các khung & mức hỗ trợ cho các chủ thể **nhóm 2** (DN, HTX, HKD) cũng là cần thiết để tạo khung pháp lý hướng dẫn cho thực thi nay mai. Đứng trên góc độ đại diện cho cộng đồng DN ngành thủy sản thì Hiệp hội ủng hộ cho những cơ chế hỗ trợ này. Tuy nhiên, Hiệp hội VASEP cũng quan sát thấy rằng khi có các hỗ trợ “bằng tiền trực tiếp”, “lãi suất”... cho DN, HTX thì rất có thể sẽ rơi vào phạm trù “trợ cấp” mà một số cuộc điều tra chống trợ cấp (CVD) gần đây của DOC Hoa kỳ khởi xướng đối với sản phẩm/ngành hàng XK quan trọng.

Góp ý, đề nghị: Ban soạn thảo nghiên cứu, rà soát và lấy thêm ý kiến chuyên gia từ Cục Phòng vệ Thương mại (BCT) cho những nội dung/phạm vi dự thảo này để đảm bảo chặt chẽ và khả thi.

3. **Mở rộng phạm vi doanh nghiệp:** Từ khoản 2 đến khoản 10 của Điều 7 Dự thảo cho thấy các thiết kế hỗ trợ ở đây đều khoan hướng cho DN nhỏ, một số có DN vừa và gần như không có đối tượng DN lớn. Tuy nhiên, với tiêu chí (định nghĩa) DN nhỏ & vừa (theo số lao động) hiện nay thì một số ngành, trong đó đặc biệt thủy sản – sẽ đa phần thuộc dạng DN lớn.

Đặc thù DN ngành thủy sản là sử dụng nhiều lao động hơn các ngành khác, nên rất dễ nhiều DN sẽ không thuộc đối tượng (nhỏ/vừa). Trong khi, hệ thống quản trị, nguồn nhân lực, lãi suất, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thông tin, mở & giữ thị trường...thì lại rất cần hỗ trợ để nâng cao, đổi mới nhằm tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA mang lại,

Góp ý, đề nghị: Khi mà các hỗ trợ phần lớn mang tính “vốn môi, hỗ trợ môi” và các hỗ trợ này từ “hệ sinh thái FTA” cho các DN là để tận dụng các ưu đãi của FTA

tức là cạnh tranh với các DN xuất khẩu từ các quốc gia khác nữa - thì ban soạn thảo xem xét mở rộng phạm vi doanh nghiệp thay vì chỉ “khóa” là cho một số DN nhỏ hoặc vừa như Dự thảo hiện nay.

II. CHƯƠNG III. QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 4 ĐIỀU 12 (điều 12-15 của Dự thảo)

Khoản 4 Điều 12 của NQ250/QH: “Các Hiệp hội ngành nghề được hỗ trợ để tham gia các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam bị ảnh hưởng khi phía nước ngoài cáo buộc vận hành theo cơ chế kinh tế phi thị trường, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên”.

Sau khi xem dự thảo từ điều 12-14, HH VASEP đồng tình và ủng hộ với cách tiếp cận & thiết kế nội dung tại dự thảo để hướng dẫn cho quyết nghị tại khoản 4 Điều 12 NQ250 kể trên. Đó là thành lập Quỹ hỗ trợ phòng vệ thương mại với nguồn chính là khoản trích hằng năm từ nguồn thu thuế phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (trích tối đa 10%), làm cơ sở và nguồn lực để hỗ trợ cho một công việc hết sức đặc thù hiện nay: phòng vệ thương mại.

Tuy nhiên, chúng tôi xin có một vài góp ý, đề xuất như sau:

1. **Về Quỹ hỗ trợ PVTM:** Dự thảo Nghị định chưa quy định vị trí của quỹ là ở đâu và do ai quản lý? Có ban quản lý Quỹ riêng hay trực thuộc một CQNN (ví dụ: Bộ Công Thương) mà quản lý Quỹ là kiêm nhiệm? Ngoài ra, chúng tôi thấy rằng Quỹ này (theo Luật Ngân sách Nhà nước) thì sẽ là Quỹ dùng ngân sách nhà nước (từ nguồn thuế) nên việc hình thành và vận hành sẽ được quy định/hướng dẫn theo Luật Ngân sách, tại Dự thảo Nghị định này cũng chưa phân công Bộ nào sẽ tiến hành các thủ tục để thành lập, vận hành Quỹ.

Góp ý, đề xuất: Ban soạn thảo rà soát và bổ sung quy định vị trí của Quỹ, đơn vị quản lý và giao/phân công Bộ cụ thể thành lập & điều hành Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành.

2. **Bỏ tiêu chí “Ngành hàng có tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm từ 80% tổng số doanh nghiệp tham gia sản xuất, xuất khẩu trở lên”** ở Điều 13 của Dự thảo: **Thứ nhất**, khi các ngành hàng nào đó của Việt Nam mạnh hơn lên, XK được nhiều hơn vào 1 thị trường nào đó thì lúc đó mới là “điều kiện” đầu tiên để phía nước ngoài “để mắt” tới, tức ngành hàng và cộng đồng DN đó đang lớn mạnh hơn và cần được bảo vệ, cần được hỗ trợ. **Thứ hai**, đây là những biện pháp kiện/cáo buộc từ nước ngoài, họ có tiềm lực, họ thậm chí rất lớn – họ đang cáo buộc/hạn chế bằng các công cụ từ pháp lý đến hành chính đối với cả ngành hàng của chúng ta chứ không phải chỉ riêng cho một nhóm DN cụ thể nào mà chúng ta lại ràng buộc bằng tỷ lệ DN nhỏ&vừa trong ngành để được ưu tiên hỗ trợ hay không. **Thứ ba**, câu hỏi là tại sao phải quy định tỷ lệ trên mới được ưu tiên hỗ trợ? Chưa kể để xác định chính xác tỷ lệ DN SMEs chiếm bao nhiêu % tổng số DN tham gia SX, XK không phải là chuyện dễ.

Góp ý, đề xuất: Bỏ tiêu chí trên khỏi mục a) khoản 1) Điều 13 (nguyên tắc hỗ trợ) của Dự thảo.

3. **Bổ sung nội dung hỗ trợ về phòng vệ thương mại:** Đứng trên góc độ phòng vệ thương mại là vấn đề hết sức đặc thù. Khi có vụ việc cáo buộc/kiện tụng từ nước

ngoài, chúng ta sẽ tham gia “chống kiện”, từng vụ việc. Tương tự như khi bị bệnh thì ta dùng thuốc. Nhưng tại sao chúng ta không có các chương trình và biện pháp để chúng ta tránh được bệnh đó, hoặc chống lại được và không bị nhiễm? Chúng tôi cũng chưa thấy thiết kế tại Điều 14 (các nội dung hỗ trợ) có các chương trình nào để hỗ trợ các ngành hàng hoặc các hiệp hội (tất nhiên có tiêu chí) phát triển và xây dựng ngành hàng mạnh mẽ hơn, bền vững hơn và có sự chuẩn bị tốt hơn với các biện pháp phòng vệ thương mại tiềm tàng từ nước ngoài.

Góp ý, đề xuất: Bên cạnh các nội dung hỗ trợ đã có, Ban soạn thảo xem xét bổ sung nội dung hỗ trợ hàng năm cho các ngành hàng xuất khẩu thông qua Hiệp hội chủ đạo của ngành hàng đó các chương trình nâng cao năng lực PVTM chuyên sâu cho đội ngũ nhân lực (kế toán, sản xuất, pháp lý) các DN của ngành hàng.

III. CHƯƠNG IV. QUY ĐỊNH CHI TIẾT **ĐIỀU 13** (Quỹ xúc tiến xuất khẩu ngành hàng)

Điều 13 của NQ250/QH: “Nhà nước khuyến khích các Hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao được thành lập Quỹ xúc tiến xuất khẩu ngành hàng ...”

Sau khi xem xét dự thảo Nghị định, HH VASEP đồng tình và ủng hộ với cách tiếp cận & thiết kế nội dung tại dự thảo để hướng dẫn cho quyết nghị tại khoản 4 Điều 12 của NQ250/QH. Chúng tôi có một vài góp ý, đề nghị như sau:

1. **Tại Điều 19 (Thành lập Quỹ):** Trong thực tiễn, có những ngành hàng XK có thể có 2-3 Hiệp hội cùng tồn tại song song, mà trong đó 1 số DN hội viên có thể đăng ký làm hội viên của cả 2-3 Hiệp hội này. Khi đó, các quy định khung tại Điều 19 cần rõ & chi tiết nhằm hướng đến việc khả thi trong thực tiễn và không xảy vướng mắc nếu để xảy ra có 2-3 Hiệp hội trong cùng 1 ngành hàng đều đăng ký để thành lập Quỹ này.

Góp ý, đề xuất: Để bám sát nội dung quyết nghị tại Điều 13 của NQ250, chúng tôi đề xuất đưa chi tiết điều kiện thành lập Quỹ vào trong Điều 19 của Dự thảo như sau:

- *Mỗi ngành hàng xuất khẩu chỉ có 01 Quỹ xúc tiến xuất khẩu;*
- *Ngành hàng được thành lập: Có kim ngạch xuất khẩu trung bình trong 03 năm liên tiếp gần nhất đạt tối thiểu từ 02 tỷ USD/năm trở lên;*
- *Hiệp hội ngành hàng được thành lập:*
 - + *Hội viên của Hiệp hội có giá trị kim ngạch xuất khẩu trên 50% kim ngạch toàn ngành trong 1 năm;*
 - + *Có kinh nghiệm thực tế trong đấu tranh phòng vệ thương mại, xúc tiến thương mại quốc tế, xử lý các rào cản kỹ thuật;*
 - + *Có bộ máy tài chính, kế toán chuyên trách, đáp ứng yêu cầu quản trị và kiểm toán độc lập.*

2. **Điều 20. Nguồn hình thành Quỹ**

Đây là nội dung mang tính quyết định đến sự tồn tại của Quỹ. Nếu thiết kế cơ chế là “đóng góp tự nguyện” là sẽ không có nguồn thu. Kinh nghiệm thế giới, như tại Naury, họ có Quỹ tương tự như này để giải quyết rất nhiều việc lớn cho ngành hàng cá Hồi Naury. Nguồn thu là bắt buộc theo cơ chế trích theo tỷ lệ % từ sản lượng xuất khẩu cá hồi, cơ quan Hải

quan thực hiện thu hộ khi các DN xuất khẩu. Mô hình tương tự là Hội đồng Ghe của Hoa kỳ (Swimming Crab Council): trích tỷ lệ % trên sản lượng ghe nhập khẩu vào Mỹ để có nguồn thu quỹ, dùng cho việc hỗ trợ bảo vệ nguồn lợi và phát triển nguồn nguyên liệu ghe bền vững ở nhiều khu vực biển trên thế giới.

Cách thức tương tự đang áp dụng hiện nay tại Việt Nam là cho 2 ngành **cà-phê và ngành Tiêu**. Hai Hiệp hội (cà phê và Tiêu) được quản lý & sử dụng Quỹ theo Điều lệ và Quy chế quản lý do Bộ Tài chính quy định. Nguồn thu cho Quỹ là trích bắt buộc theo tỷ lệ % sản lượng cà phê và hạt tiêu xuất khẩu, do Hải quan trích thu hộ.

Kiến nghị/ Đề xuất:

Hiệp hội đề xuất Nghị định cần quy định rõ đây là khoản đóng góp bắt buộc đối với tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng thuộc ngành hàng của Quỹ.

Thực tiễn cho thấy khi cơ chế chuyển sang tự nguyện, Hiệp hội không có bất cứ công cụ pháp lý nào để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ, dẫn tới Quỹ không có nguồn thu và không thể hoạt động được như thiết kế mục tiêu ban đầu. VASEP thấy rằng mô hình Quỹ chỉ có thể vận hành hiệu quả nếu bảo đảm nguyên tắc: “Thu bắt buộc – Hiệp hội quản lý – Nhà nước giám sát”. Nếu thiếu một trong ba yếu tố này, Quỹ sẽ không thể hoạt động trong thực tế hoặc tiềm ẩn rủi ro.

HH VASEP trân trọng đề nghị Ban soạn thảo xem xét để điều chỉnh nội dung Dự thảo tại Điều 20 như sau:

- *Cơ quan Hải quan thực hiện thu hộ đối với tất cả sản lượng xuất khẩu của ngành hàng theo tỷ lệ % quy định trong Điều lệ và Quy chế của Quỹ do Bộ Tài chính phê duyệt;*
- *Thu phí ngay tại thời điểm doanh nghiệp mở tờ khai hải quan xuất khẩu, dựa trên mã HS của ngành hàng;*
- *Bổ sung cơ chế ưu đãi thuế đối với khoản đóng góp vào Quỹ để doanh nghiệp yên tâm thực hiện nghĩa vụ.*
- *Quy định kiểm toán độc lập và công khai minh bạch báo cáo tài chính Quỹ hàng năm.*

Hiệp hội VASEP kính đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tiếp thu các góp ý nêu trên để hoàn thiện Dự thảo Nghị định, bảo đảm các nội dung, Điều khoản trong Nghị định thực sự trở thành công cụ hữu hiệu hỗ trợ ngành hàng và doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế và tăng trưởng bền vững.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NNMT;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUO. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THỦ KÝ
BAN CHẤP HÀNH
Nguyễn Hoài Nam